

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 267/2022/DS-PT

Ngày: 30/12/2022

V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Hà

Các Thẩm phán: Ông Cao Văn Lạc

Bà Đặng Thị Ánh Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Luân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Bà Trần Ngọc Bích - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án Nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 253/2022/TLPT-DS ngày 18 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”, do Bản án dân sự sơ thẩm số 117/2022/DS-ST, ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án Nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 303/2022/QĐ-PT ngày 06 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Ngọc M** - Sinh năm 1980; nơi cư trú: Phường X, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Ngọc M:

1/ Bà **Võ Thị Mỹ D** - Sinh năm 1960; nơi cư trú: phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh;

2/ Bà **Đỗ Thị Á T1** - Sinh năm 1999; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 05/10/2022 – Có mặt).

- *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị Thu H** - Sinh năm 1960; nơi cư trú: xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông **Nguyễn Thanh T2** - Sinh năm 1966; nơi cư trú: xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Thanh T2: Bà Nguyễn Thị Thu H - Sinh năm 1960; nơi cư trú: xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (Theo văn bản ủy quyền ngày 07/5/2021 – Có mặt).

2/ Bà **Tô Thị B** - Sinh năm 1959; nơi cư trú: xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

- *Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Ngọc M là nguyên đơn*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 20/02/2020 và trong quá trình Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Nguyễn Thị Ngọc M trình bày:***

Trước đây, bà M ở cùng địa phương với bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Thanh T2 tại xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long nên quen biết nhau. Năm 2004, bà M theo chồng về thành phố Hồ Chí Minh sinh sống, thỉnh thoảng bà M về quê và biết được bà H và ông T2 làm ăn có uy tín ở địa phương và có mối quan hệ làm ăn thân thuộc với bà Tô Thị B. Năm 2015, bà H và ông T2 cần vốn để làm ăn dịp Tết nên hỏi bà B vay mượn, do bà B không có tiền nên bà B giới thiệu cho bà M, bà M đồng ý cho bà H vay số tiền là 500.000.000đ; khi vay, bà H có viết biên nhận đề ngày 02/8/2015, thời gian vay là cuối năm 2015, lãi suất 3%/tháng; người chứng kiến việc vay là bà B. Đến hạn, bà H và ông T2 không trả nợ; bà M đã nhiều lần gặp bà H và ông T2 đòi lại số tiền nợ gốc là 500.000.000đ và lãi nhưng bà H và ông T2 hứa ổn định rồi trả, hứa nhiều lần nhưng vẫn chưa trả.

Năm 2018, bà M và bà B có khởi kiện bà H và ông T2 tại Tòa án Nhân dân huyện Vũng Liêm. Bà M yêu cầu Tòa án buộc ông T2 bà H phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà M số tiền 500.000.000đ cùng lãi suất và được Tòa án Nhân dân huyện Vũng Liêm thụ lý số 113/TLST-DS ngày 28/06/2018; ngày 14/10/2019, bà M rút đơn khởi kiện đối với bà H và ông T2 và được bà H đồng ý nên Tòa án đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 106/2019/QĐST-DS ngày 14/10/2019. Đối với tranh chấp giữa bà B và bà H, Tòa án Nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm ngày 22/10/2019 cho rằng do bà M không có đơn yêu cầu độc lập nên Tòa án phúc thẩm không xét xử chung vụ án với bà B khởi kiện bà H được; sau này, bà M mới biết hậu quả của việc rút đơn và không có đơn yêu cầu độc lập dẫn đến vụ kiện thu hồi nợ của bà M đối với bà H và ông T2 kéo dài đến ngày hôm nay.

Bà M xác định bà H và ông T2 cố tình không trả 500.000.000đ cùng lãi suất theo thỏa thuận, chỉ trả được 15.000.000đ tiền lãi. Do đó, bà M khởi kiện lại, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H và ông T2 có trách nhiệm liên đới trả lại cho bà M số tiền nợ gốc là 500.000.000đ và yêu cầu tính lãi từ ngày 02/9/2015 đến khi xét xử sơ thẩm - phúc thẩm, tạm tính đến ngày 02/03/2021 là: $500.000.000đ \times 1,66\%/tháng \times 66 \text{ tháng} = 458.260.000đ$. Tổng cộng gốc và lãi tạm tính đến ngày 02/3/2021 là: $500.000.000đ + 458.260.000đ = 958.260.000đ$.

**** Tại bản tự khai ngày 22/4/2021 và trong quá trình Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án, bị đơn Nguyễn Thị Thu H đồng thời là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thanh T2 trình bày:***

Từ năm 2013 đến năm 2015, bà H có tham gia hụi với bà Tô Thị B. Do làm ăn thất bại, thua lỗ nên bà H bị vỡ nợ, không có khả năng chi trả nợ hụi cho bà B. Ngày 18/6/2015, bà B kêu bà H ra quầy vải của bà B để tính toán việc trả nợ cho bà. Khi bà H ra tới quầy vải của bà B thì đôi bên bàn tính qua lại tổng cộng các dây hụi tính đến mãn hụi, bà H còn nợ bà B tổng cộng số tiền là 524.000.000đ và bà B nói là hiện tại bà đã mượn bà M (là cháu của bà B) số tiền 500.000.000đ là để đóng chàng nợ hụi chết cho bà; bà B kêu bà phải viết biên nhận ghi tên bà M, lúc đầu bà không đồng ý viết biên nhận nhưng bà B kiên quyết nên bà viết biên nhận theo lời yêu cầu của bà B là ghi tên Nguyễn Thị Ngọc M với số tiền 500.000.000đ, nhưng thực tế bà không biết bà M và cũng không trực tiếp nhận tiền mặt từ chị M, biên nhận bà giao cho bà B giữ, bà B còn nói sau khi làm xong biên nhận nợ cho bà M, bà B cho bà trả nợ từ từ đến khi nào xong số nợ 524.000.000đ.

Ngày 12/01/2016, bà trả cho bà B số tiền 15.000.000đ.

Ngày 19/3/2016, bà trả cho bà B số tiền 30.000.000đ (tiền làm nhà mồ cho ba bà M).

Ngày 12/4/2016, bà trả cho bà B số tiền 20.000.000đ (tiền làm nhà mồ cho ba bà M).

Ngày 20/12/2016, bà trả cho bà B số tiền 4.000.000đ (đưa cho con bà B tên Đầu).

Ngày 17/3/2017, bà trả cho bà B số tiền 10.000.000đ (làm mồ cho chồng bà B).

Ngày 26/6/2017, bà trả cho bà B số tiền 25.000.000đ (bà B lấy tiền từ bà Tuyết Hoa bán thịt heo tại chợ Cầu Mới).

Ngày 15/10/2017, bà trả cho bà B số tiền 5.000.000đ.

Ngày 15/11/2017, bà trả cho bà B số tiền 5.000.000đ.

Ngày 21/12/2017, bà trả cho bà B số tiền 5.000.000đ.

Ngày 22/01/2018, bà trả cho bà B số tiền 5.000.000đ.

Như vậy, bà đã trả cho bà B tổng cộng số tiền 124.000.000đ.

Ngày 26/6/2018, bà M làm đơn khởi kiện bà tại Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long với số tiền vay mượn là 500.000.000đ. Sau đó, Tòa án Nhân dân huyện Vũng Liêm mời bà và bà B, bà M làm việc nhiều lần nhưng không thành. Ngày 14/10/2019, Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 106/2019/QĐST-DS.

Qua yêu cầu khởi kiện của bà M, bà không đồng ý vì bà không có hỏi mượn tiền của bà M và bà không biết, không có làm ăn giao dịch gì với bà M. Bà chỉ có thiếu nợ hụi của bà B; còn việc bà viết biên nhận nợ ghi tên Nguyễn Thị Ngọc M là do bà B yêu cầu bà ghi vì bà B cho rằng bà B hỏi nợ của bà M giùm cho bà để bà đóng hụi cho bà B. Sau đó, bà B cũng kiện bà ra Tòa cùng với số tiền kể trên và được Tòa án Nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm theo bản án số 180/2019/DS-PT, ngày 22/10/2019 Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long, buộc bà phải trả cho bà B số tiền vốn và lãi là 416.000.000đ.

*** Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thanh T2 trình bày:** Thống nhất với ý kiến của bà H.

*** Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/5/2021 và trong quá trình Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tô Thị B trình bày:**

Bà giới thiệu bà Nguyễn Thị Ngọc M cho bà Nguyễn Thị Thu H vay 500.000.000đ như sau:

Vào năm 2015, bà H có hỏi bà vay mượn số tiền 500.000.000đ để làm ăn dịp tết. Lúc đó, bà không có tiền nên bà H nhờ bà giúp bà H. Vì là bạn bè làm ăn uy tín nên bà đã hỏi cháu chồng bà là bà Nguyễn Thị Ngọc M; lúc đó, bà M có số tiền dành dụm nhàn rỗi 500.000.000đ và tin tưởng bà nên bà M đồng ý cho bà H vay số tiền 500.000.000đ, lãi suất 3%/ tháng, thời hạn là 04 tháng. Vài ngày sau, bà M mang tiền về và hẹn gặp nhau tại quây vải của bà. Bà gọi bà H đến quây. Lúc đó, bà thấy bà M có cầm bọc đen thì biết đó là tiền bà M mang về. Sau đó, bà M và bà H tự giao dịch và viết biên nhận. Lúc đó, bà lu bu buôn bán nên bà không để ý. Một lúc sau, hai bên giao dịch xong thì bà có nhìn thoáng qua thì thấy bà H không ghi ngày dương lịch trong biên nhận, nên bà có hỏi sao bà không ghi thêm ngày dương lịch vào. Bà H nói với bà là bà sẵn cầm viết thì ghi vào ngày dương lịch giùm bà luôn. Lúc đó, tiện tay bà có viết vào tờ biên nhận ngày 02 tháng 08 năm 2015. Xong bà giao trả lại biên nhận cho bà M. Đúng một tháng sau, bà H có đưa cho bà 15.000.000đ nhờ bà đưa lại cho bà M, đó là tiền lãi. Đến tháng tiếp theo, bà H không đóng lãi nữa. Theo bà được biết thì bà H đã ngưng đóng lãi. Qua năm 2015, bà H không trả; năm 2016, bà M tiếp tục đòi nợ; năm 2018, bà M mới làm đơn khởi kiện cùng với bà. Sau đó, bà M đã rút đơn khởi kiện để tự thỏa thuận nhưng không được. Đến nay, theo bà được biết, bà H chưa trả tiền 500.000.000đ cho bà M nên bà M khởi kiện bà H.

*** Tại Bản báo dân sự sơ thẩm số 117/2022/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022, Tòa án Nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:**

Căn cứ vào Điều 463, 465, 466 Bộ luật Dân sự, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 3 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016. Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc M yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

ông Nguyễn Thanh T2 phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền vốn 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng), tiền lãi 458.260.000đ (Bốn trăm năm mươi tám triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng), tổng cộng 958.260.000đ (Chín trăm năm mươi tám triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, về nghĩa vụ chậm thi hành án, về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

* Ngày 05/10/2022, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc M kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà M.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Nguyễn Thị Ngọc M xác định nguyên đơn thay đổi một phần kháng cáo, xác định bị đơn Nguyễn Thị Thu H nợ nguyên đơn số tiền gốc là 500.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày xét xử phúc thẩm 30/12/2022 là 715.400.000đ (mức lãi suất 20%/năm), tổng cộng gốc và lãi là 1.215.400.000đ; nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả 500.000.000đ tiền gốc và 500.000.000đ tiền lãi và rút lại phần yêu cầu kháng cáo về nghĩa vụ liên đới đối với ông Nguyễn Thanh T2.

Bị đơn Nguyễn Thị Thu H không đồng ý với kháng cáo của bà M và xác định bị đơn chỉ viết biên nhận mượn tiền của bà M nhưng thực tế bị đơn không có nhận tiền từ bà M; việc bị đơn viết biên nhận mượn tiền ngày 18/6/2015 âm lịch của bà M là do bà B yêu cầu bà viết để bà B mượn tiền của bà M để đóng hụi thay (chàng hụi) cho bà. Bị đơn không bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tô Thị B xác định bà không có liên quan gì trong việc vay mượn tiền giữa bà M và bà H, xác định số tiền mà bà M và bà H tranh chấp không liên quan đến việc khấu trừ nợ hụi.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu quan điểm:

+ Về thủ tục: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm. Buộc bị đơn Nguyễn Thị Thu H trả cho nguyên đơn Nguyễn Thị Ngọc M số tiền gốc 500.000.000đ và tiền lãi là 255.000.000đ, tổng cộng 755.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tòa án cấp sơ thẩm tuyên án ngày 29/9/2022, đến ngày 05/10/2022 nguyên đơn Nguyễn Thị Ngọc M có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm, bà

M đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm đầy đủ, nên kháng cáo của bà M được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn Nguyễn Thị Ngọc M chỉ yêu cầu bị đơn Nguyễn Thị Thu H trả số tiền vay gốc là 500.000.000đ và lãi là 500.000.000đ, rút yêu cầu kháng cáo về phần nghĩa vụ liên đới đối với ông Nguyễn Thanh T2 nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 284 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần yêu cầu kháng cáo của bà M về nghĩa vụ liên đới.

[2] Về nội dung:

[2.1] Đối với kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ngọc M về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu H trả cho bà số tiền nợ gốc là 500.000.000đ, xét thấy:

Bà Nguyễn Thị Ngọc M xác định bà Nguyễn Thị Thu H còn nợ bà số tiền gốc 500.000.000đ theo Biên nhận đề ngày 18/6/2015 âm lịch (ngày 02/8/2015 dương lịch) (Bút lục 56) và yêu cầu bà H trả cho bà số tiền này. Bà H thừa nhận Biên nhận đề ngày 18/6/2015 âm lịch (ngày 02/8/2015 dương lịch) là do chính bà viết và ký tên; tuy nhiên, bà H không thừa nhận bà có vay 500.000.000đ của bà M; bà H cho rằng bà có nợ tiền hụi của bà B 524.000.000đ nên bà B yêu cầu bà viết Biên nhận trên để bà B mượn tiền của bà M để chàng hụi cho bà.

Xét, Biên nhận đề ngày 18/6/2015 âm lịch (ngày 02/8/2015 dương lịch) do bà H viết và ký tên thể hiện nội dung: *“Cô tên Nguyễn Thị Thu H cư ngụ ấp X xã T có mượn của cháu M 500 triệu (năm trăm triệu) Nguyễn Thị Ngọc M”*. Như vậy, theo nội dung Biên nhận này thì bà H có vay của bà M số tiền 500.000.000đ; biên nhận này không có nội dung thể hiện số tiền 500.000.000đ là tiền bà B mượn của bà M để đóng hụi thay (chàng hụi) cho bà H như lời trình bày của bà H. Lời trình bày của bà H không được bà B và bà M thừa nhận. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H cũng không chứng minh được bà không có vay của bà M 500.000.000đ. Do đó, có cơ sở xác định bà H có vay của bà M số tiền 500.000.000đ đúng như nội dung Biên nhận đề ngày 18/6/2015 âm lịch (ngày 02/8/2015 dương lịch). Vì vậy, yêu cầu kháng cáo của M về việc buộc bà H trả số tiền gốc 500.000.000đ là có căn cứ để chấp nhận.

[2.2] Đối với yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ngọc M về yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu H trả cho bà số tiền lãi 500.000.000đ, xét thấy:

Bà M và bà H giao kết hợp đồng vay vào ngày 02/8/2015, hợp đồng đang được thực hiện nên áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết. Do hợp đồng vay giữa bà M và bà H không ghi rõ lãi suất, có tranh chấp về lãi suất nên mức lãi suất được áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Hợp đồng vay này không xác định thời hạn nên thời hạn tính lãi được áp dụng kể từ ngày tranh chấp, ngày tranh chấp được các bên xác định là ngày 28/6/2018, tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/9/2022) là 51 tháng. Do đó, số tiền lãi mà bà H có nghĩa vụ trả cho bà M được xác định như sau: $500.000.000đ \times 0,75\%/tháng \times 51 tháng = 191.250.000đ$. Trừ số tiền lãi mà bà H

đã trả cho bà M được bà M thừa nhận là 15.000.000đ, còn lại số tiền lãi mà bà H phải trả cho bà M là: $191.250.000đ - 15.000.000đ = 176.250.000đ$.

[2.3] Như vậy, tổng cộng số tiền gốc và lãi mà bà H có nghĩa vụ trả cho bà M là: $500.000.000đ + 176.250.000đ = 676.250.000đ$.

[2.3] Từ những nội dung phân tích trên, căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm như một phần đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[3] Về án phí:

Do sửa bản án sơ thẩm nên bà Nguyễn Thị Ngọc M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Án phí dân sự sơ thẩm được xác định lại như sau: Bà Nguyễn Thị Ngọc M chịu 16.187.500đ án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận. Bà Nguyễn Thị Thu H chịu 31.050.000đ án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 284, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ngọc M về phần nghĩa vụ liên đới của ông Nguyễn Thanh T2.

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Thị Ngọc M.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 117/2022/DSST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án Nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng các Điều 471, 474 và 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; căn cứ vào các Điều 147, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 26, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc M.

Buộc bà Nguyễn Thị Thu H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc M số tiền nợ gốc là 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng) và số tiền nợ lãi là 176.250.000đ (Một trăm bảy mươi sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng); tổng cộng là 676.250.000đ (Sáu trăm bảy mươi sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Ngọc M chịu 16.187.500đ (Mười sáu triệu một trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 20.223.000đ (Hai mươi triệu hai trăm hai mươi ba nghìn đồng) mà bà M đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long theo biên lai thu tiền số 0009029 ngày 31/3/2021. Số tiền chênh lệch là 4.035.500đ (Bốn triệu không trăm ba mươi lăm nghìn năm trăm đồng) được hoàn trả lại cho bà M.

Bà Nguyễn Thị Thu H chịu 31.050.000đ (Ba mươi một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị Ngọc M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà M số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà bà M đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long theo biên lai thu số 0008746 ngày 11/10/2022.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh VL;
- TAND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- Đương sự;
- Lưu: Tòa Dân sự, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Hồng Hà